

VỀ VĂN MINH

TRONG "TIẾNG GỌI NƠI HOANG DÃ" CỦA JACK LONDON VÀ "CHUYỆN RỪNG" CỦA RUDYARD KIPLING

TS. LÊ HUY BẮC

Đại học Sư phạm Hà Nội

Tháng ba năm 1903, *Tiếng gọi nơi hoang dã* ra mắt bạn đọc dưới hình thức tiểu thuyết đăng nhiều kì trên tạp chí *Bưu điện chiều thứ bảy*. Ngay sau đó, vào ngày 3 tháng 8 năm 1903, tờ *Người đi tìm vàng*⁽¹⁾ đã có bài điểm sách: *Jack London và kiệt tác số một của ông*. Bài viết tập trung so sánh Jack London với đại văn hào Rudyard Kipling ở điểm sau: "Rudyard Kipling lừng danh với tư cách là nhà thơ của hơi nước và máy móc (...) Kipling là người hiện đại nhất trong dòng văn học hiện đại. Ông là sự kết hợp hài hòa của linh hồn thời đại. "Và nếu hơi nước và máy móc đã tạo nên cuộc cách mạng phi thường trong thế giới vật chất suốt nửa thế kỉ trước (thế kỉ mười chín), thì thuyết tiến hóa lại tạo nên cuộc cách mạng vĩ đại hơn trong tập tục và tín ngưỡng. Kipling là nhà thơ của một cuộc cách mạng và - chẳng tâng bốc chút nào khi ta nói - Jack London đã khẳng định vững chắc tên tuổi của mình như là thi hào văn xuôi (prose poet) của cuộc cách mạng kia".

Những năm 1980, ở Mĩ, các nhà nghiên cứu cũng khẳng định Jack London chịu ảnh hưởng từ Kipling ở ba phương diện: *Những địa điểm ngoại lai, kế hoạch (kiếm tiền) lớn,*

đa nguyên văn hóa.⁽²⁾

Chúng ta hẳn đã biết, Kipling là nhà văn, nhà thơ kiệt xuất người Anh. Ông sinh năm 1865 tại Bombay (ấn Độ) và mất năm 1936 tại London. Kipling được xem là một trong những nhà văn hiện đại nổi tiếng vào bậc nhất thế giới trong những năm đầu thế kỉ hai mươi. Sự nghiệp sáng tác của ông thật vĩ đại. Hai mươi bốn tuổi đã lừng danh là bậc thầy văn chương với khả năng du nhập *cái ngoại lai* (exotique) vào phong cách nghệ thuật của mình...

Jack London (1876 - 1916), nhà văn thuộc thế hệ kế tiếp Kipling, sự ngưỡng mộ Kipling đã mang lại cho thi pháp London nhiều nét tương đồng. Giới nghiên cứu thường gọi London là *Kipling của vùng Klondai*. So sánh cuộc đời London với Kipling, chúng ta sẽ bắt gặp điểm giống nhau thú vị là cả hai đều không bước chân vào đại học, tuy Kipling là người được sinh trưởng trong gia đình rất có điều kiện. Cả hai sớm vào đời. Bước chân ưa phiêu lưu (và kể cả việc kiếm sống) đã đưa họ đến với nhiều vùng đất lạ. Đây là vốn sống quý báu để giúp họ thành công trong những trang viết đầy ma lực của mình...

Tuy nhiên, điều chúng tôi quan tâm ở đây là đặc trưng sáng tạo. Trước hết là đề tài và cách xử lý đề tài của hai nhà văn. Giới nghiên cứu khi so sánh London với Kipling thường viện dẫn hai tác phẩm của họ: *Tiếng gọi nơi hoang dã* (*The Call of the Wild*, 1903) và *Chuyện rừng* (*Jungle Book*, 1894) bởi đề tài của hai tác phẩm đều viết về thế giới loài vật và những vùng đất xa xôi bên ngoài đất nước họ. Thêm nữa, hai nhà văn cấu trúc tác phẩm dựa trên sự phân chia thành các phần nhỏ có tên đề mục. Mối liên kết giữa các phần được dựa trên trục chính là nhân vật trung tâm xuyên suốt tác phẩm. Nếu ở *Tiếng gọi nơi hoang dã*, chú chó Bắc, là nhân vật chủ đạo thì ở *Những người anh em của Mâugli*, người-sói Mâugli giữ vai trò trung tâm của truyện.

Chuyện rừng bao gồm nhiều truyện. Ngoài truyện về Mâugli, theo bản dịch của Mạnh Chương, sách còn có *Con chó biển trắng*, *Người quản tượng Tumbai của mọi con voi* và *Rikki - Tikki - Tavi*. Tuy nhan đề tác phẩm là *Chuyện rừng*, nhưng đề tài sách lại mở rộng đến cả *biển*. Vậy nên, ta có thể gọi một cách khái quát hơn về tác phẩm này của Kipling là *Chuyện về thế giới hoang dã*.

Điểm giống nhau giữa London với Kipling là đã rõ. Tuy nhiên, không vì điều này mà ta lại đi đến kết luận về sự hạn chế trong khả năng sáng tạo của London. Theo các nhà nghiên cứu Mĩ, đặc biệt là E.L. Doctorow, việc London chọn đối tượng trần thuật về loài vật là đóng góp tuyệt vời của nhà văn vào việc tái sinh tình yêu thương loài

vật đã mai một trong văn học Mĩ qua suốt giai đoạn dài của hai cuộc thế chiến và hậu quả sau đó của nó. Mãi đến cuối thế kỉ hai mươi, Doctorow vẫn nhấn mạnh: "Sự thực rằng ngày nay truyền thống kể chuyện về loài vật khôn ngoan ở Mĩ đã gần như biến mất; Ít có cơ hội hơn cho văn học bởi hậu quả của hai cuộc chiến tranh thế giới, tùy tùng của thời đại là những nhà châm biếm hiện đại, và cả sự trỗi dậy của phim hoạt hình Walt Disney. Nhưng khi Jack London viết thì người dân Mĩ từ thời tổng thống Teddy Ruzoven (1858 - 1919) trở đi, coi trọng loài vật của họ, như người Mĩ bản địa vẫn làm, và điều đó mang lại khả năng để loài vật nói với chúng ta và tồn tại với ẩn dụ răn dạy chúng ta như ngụ ngôn của chúng ta".⁽¹⁾

Quả đúng như nhận định của Doctorow, vai trò sáng tác của Jack London không chỉ gợi lên tình thương loài vật mà còn sử dụng chúng như ẩn dụ đạo đức cho con người. Điều này thật ra không phải là đóng góp riêng của Jack London. Bất kì nhà văn nào viết truyện về loài vật cũng đều nhằm nói về xã hội loài người. Nhưng điểm London khác với Kipling và cũng khác cả truyền thống là ông không viết *truyện ngụ ngôn loài vật* mà viết *tiểu thuyết loài vật*. Dĩ nhiên ông cũng sử dụng các yếu tố ngụ ngôn, sử dụng tính chất ngụ ngôn như một trong những biện pháp hữu hiệu để tăng chiều sâu cho nội dung phản ánh của mình.

Trong số những truyện về loài vật của Kipling, truyện thể hiện rõ hình thức ngụ ngôn hơn cả là *Những người anh em của*

Maugli. Ta có thể xem đây là kiểu truyện ngụ ngôn hiện đại. Nhân vật chính trong truyện không phải là loài vật hay cây cỏ mà là một *con người-thú*. Chú bé Maugli may mắn thoát khỏi con hổ độc ác Sia Khan. Chú lóng ngóng lẫn vào hang sói, được gia đình sói bảo vệ, trưởng thành cùng các sói con của đôi vợ chồng sói. Cái tên Maugli chú có được là do sói đặt cho. Bạn, ân nhân, đồng thời là thầy dạy của Maugli là gấu Bali, báo Baghêra và mãng xà Kaa. Maugli cùng đàn sói sống yên ổn dưới sự dẫn dắt của sói đầu đàn Akêla. Hổ Sia Khan không quên mối thù với gia đình sói và đặc biệt là luôn khao khát được ăn thịt con mỗi sống năm xưa, Maugli. Để thực hiện mục đích đó, hổ xui lũ sói non chống lại thủ lĩnh Akêla và cả Maugli người được Akêla bảo vệ. Báo Baghêra khôn ngoan đoán biết sự tình nên khuyên Maugli đi trộm lửa của con người về chiến đấu chống lại Sia Khan và lũ sói ngang ngược kia. Maugli chiến thắng, nó bảo vệ được bản thân và cả sói đầu đàn. Nhưng sau đó nó rơi vào tay bọn khỉ. Một bầy đàn vô tổ chức, không có thủ lĩnh, không biết "luật rừng", chỉ sống theo bản năng thiển cận. May nhờ gấu Bali, báo Baghêra và mãng xà Kaa giúp sức, Maugli mới được cứu thoát. Maugli quay về với loài người. Nhưng loài người cũng không dung nạp chú vì thói đố kỵ, mê tín ngu ngốc. Sau khi dùng mưu xua đàn trâu giẫm chết hổ Sia Khan, Maugli lột da nó, đến hội đồng sói và trở thành thủ lĩnh của loài sói.

Cốt truyện của Kipling thiên về sự kiện, thiên về miêu tả hành động thể chất. London

thì trái lại, tính sự kiện trong chuyện về con chó Bắc được giảm thiểu nhiều, thay vào đó là việc miêu tả, khắc họa tâm lý. Do vậy về dung lượng, chuyện của Bắc dài gấp đôi chuyện của Maugli, nhưng nếu tóm tắt ta chỉ có những nét chính sau: Bắc - chú chó miền Nam - bị trộm bán lên miền Bắc để làm chó kéo xe phục vụ việc đổ xô đi tìm vàng tại Klondai. Bắc thích nghi với môi trường rất nhanh và tồn tại được trong điều kiện sống khắc nghiệt. Dần dần Bắc trở thành thủ lĩnh của đàn chó kéo xe và của mọi con chó khác. Trải qua bốn đời chủ, nhưng người chủ cuối cùng, Thocton là người nó yêu thương nhất. Cuộc sống gắn gũi với thiên nhiên hoang dã đã đánh thức con thú ngủ quên trong Bắc. Sau khi Thocton bị thổ dân Yhet giết chết, Bắc trả thù rồi gia nhập vào đàn sói sống tự do trong rừng.

Chuyện về Maugli được dựng theo kiểu truyện ngụ ngôn. Nội dung cơ bản là mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người. Thế giới loài vật được chia thành hai nhóm: tốt và xấu. Kẻ xấu là kẻ chuyên đi hót lẻo, gây bất hòa, lừa dối, hèn hạ như chó Tabaki; hoặc hiếu chiến độc ác, tàn bạo như hổ Sia Khan; hoặc sống vô nguyên tắc, ti tiện, thích gây sự chú ý, phù phiếm như loài khỉ... Tóm lại, kẻ xấu là kẻ không tuân thủ *luật của rừng*. Và một trong những nguyên tắc sống còn nhất là không được đụng đến tính mạng và tài sản của *con người*. Còn loài vật tốt là loài sống có *tổ chức*, biết tuân theo *luật rừng* và quan trọng hơn là biết yêu

thương giúp đỡ nhau chống lại cái xấu, cái ác. Bằng những chuẩn mực đạo đức này, Kipling thực sự viết nên thiên ngụ ngôn hiện đại. Ông đã *luật hóa* hay nói cách khác là *văn minh hóa* thế giới hoang sơ.

Đáp lại *luật của rừng* của Kipling, London có *luật của dùi cui và răng nanh*. Đây là kiểu kết hợp giữa luật của con người và luật của thiên nhiên mông muội. Tiến trình phát triển truyện của London, tuy kết cục giống với Kipling ở chỗ nhân vật của ông hòa vào cộng đồng sói, nhưng về bản chất thì London đề xuất ý đồ tương phản với Kipling: *hoang dã hóa văn minh*. Vậy nên sự tác động của *ngụ ngôn Kipling*, dẫu đã được cách tân rất nhiều so với truyền thống, vẫn là *tác động trực tiếp*: Con người nhận diện bản thân qua thế giới loài vật. Còn tác động của *tính chất ngụ ngôn London*, dẫu có chịu ảnh hưởng từ Kipling, nhưng lại là *tác động gián tiếp*. Con người chẳng trực tiếp thấy được gì nhiều về bản chất mình qua thế giới loài vật. Nói cách khác, ẩn dụ của Kipling là ẩn dụ trực tiếp, còn ẩn dụ của London là ẩn dụ gián tiếp, ẩn dụ của ẩn dụ. Điều này đã tạo cho con chó Bắc một phong thái huyền thoại và đã khiến Bắc vượt xa Mâugli về số lượng người hâm mộ.

Để làm được điều này, Jack London đã không cho Bắc *nói tiếng người*, trong khi đó, các con vật của Kipling thoải mái nói tiếng người. Những gì nhân vật của Kipling nói thành tiếng thì London chuyển vào nội tâm nhân vật hoặc thông qua cái nhìn bên ngoài

của người kể chuyện ở ngôi thứ ba. Trần thuật ngôi thứ ba luôn là điểm nhìn được ưu tiên ở hình thức ngụ ngôn. Xem thế để thấy Jack London tuy vẫn sử dụng hình thức trần thuật cũ nhưng đã dụng công xóa bỏ tính ước lệ và khoảng cách giữa người kể chuyện với nhân vật lớn biết chừng nào. Sự khác nhau về *thái độ trần thuật* này là hệ quả tất yếu từ nguồn gốc cảm hứng nghệ thuật của hai nhà văn. Kipling không hề che dấu cảm hứng sáng tạo của mình là đứng ngay giữa nền văn minh, nhân danh quyền lực và lợi ích của văn minh mà lên tiếng thì London lại lấy cảm hứng từ hoang sơ, nhân danh sự bình đẳng của muôn loài. Kipling phân chia thứ bậc và các phạm vi cấm kỵ. London không phân chia thứ bậc và phá tung ranh giới ngăn cách của mọi tồn tại trên thế gian để hướng tới sự hòa đồng và tự do đích thực.

Về kỹ thuật trần thuật, cả Kipling lẫn London đều vận dụng độc thoại nội tâm như phương thức hữu hiệu nhằm chiếm lĩnh chiều sâu tâm hồn loài vật của mình. Mặt khác, nhờ kỹ thuật này họ sẽ đa dạng hóa hình thức tự sự của tác phẩm. Khi bị đàn khỉ bắt đi, Mâugli nghĩ: "Những gì Balu nói về loài khỉ đều đúng cả. Chúng không có luật, không có tiếng-gọi-đi-săn, cũng không có thủ lĩnh - không có gì ngoài những lời nói ngu xuẩn và những bàn tay nhỏ bé chuyên xoay trộm".⁽¹⁾ Từ những suy nghĩ và ân hận về việc giao du với loài khỉ - loài mà mọi sinh vật của rừng đều khinh thường - Mâugli quyết định tìm cách quay về với các bạn:

"Dẫu sao cũng phải cố mà quay trở lại với rừng xanh của mình".

Hiện tượng ngôn từ này cũng được Bác sử dụng vào cái đêm đầu tiên đặt chân đến bắc cực băng giá, bị đuổi ra khỏi lều và không biết tìm chỗ ngủ ở đâu: "Cuối cùng, nó nảy ra một ý. Nó sẽ trở lui và xem thử các bạn trong đàn nó xử sự như thế nào? Lạ lùng thay, chúng nó biến đi đâu mất cả (...) Hay là chúng nó ở trong lều? Không, không thể như vậy được, vì nếu chúng ở trong lều thì bản thân nó đã không bị đuổi ra ngoài như vậy".⁽⁴⁾

Khao khát tìm hiểu thế giới và khao khát tồn tại là đặc điểm chung của các nhân vật trung tâm trong hai thiên truyện. Cả Bác lẫn Măugli ý thức rất rõ rằng, nếu không học hỏi kinh nghiệm từ các con vật khác thì chúng không thể sống nổi. Chỉ có điều quá trình học hỏi và thích ứng của Măugli là nhằm để thiết lập trật tự văn minh, còn của Bác là hủy diệt văn minh, điều mà có lẽ Bác không hề muốn chút nào. Ở khía cạnh này ta thấy Bác đáng thương hơn Măugli tuy Bác lãng mạn hơn Măugli nhiều.

Thế giới của Măugli là thế giới nhại xã hội loài người. Và Kipling, người nắm rõ văn hóa Ấn Độ lại rất độc đáo trong việc sử dụng loài khỉ để tượng trưng cho thói kiêu hãnh rởm, tự tôn thái quá trong tâm lí của không ít người. Điều này hoàn toàn trái ngược với cái nhìn của văn hóa phương Đông về loài khỉ. Khỉ Hanuman trong sử thi *Ramayana* của Ấn Độ là biểu tượng của lòng hào hiệp, tình nghĩa, cao thượng... Khỉ Tề Thiên Đại Thánh

trong *Tây du kí* của Trung Quốc là hiện thân của trí tuệ, lòng ngay thẳng và sự tinh nghịch... Khỉ của Kipling, dựa vào nét giống người, lại là sự mỉa mai thâm hại về giống người: "Khỉ sống trên những ngọn cây, các loài thú rừng hiếm khi nhìn lên nên chẳng có dịp nào loài khỉ và các loài thú chạm trán nhau. Nhưng bất cứ khi nào chúng thấy một con sói ốm, hoặc một chú hổ bị thương hoặc một chú gấu, bọn khỉ lại hành hạ, ném cây và hạt dẻ vào bất cứ con thú nào chỉ nhằm mục đích đùa nghịch và hi vọng được người ta chú ý đến. Rồi chúng thường hú lên và gào thét những bài ca vô nghĩa. Chúng thách các thú rừng trèo lên cây đánh nhau với chúng, hoặc chúng đánh lẫn nhau điên loạn chẳng nhằm mục đích gì (...). Chúng lúc nào cũng định bầu một thủ lĩnh, muốn có luật pháp và phong tục riêng, nhưng không bao giờ làm được, vì trí nhớ của chúng không duy trì được lâu. Vì vậy, chúng đành thỏa hiệp, nói rằng: - những gì loài khỉ ta lúc này nghĩ thì sau này thú rừng mới nghĩ ra".⁽⁵⁾

Do vậy, trong mắt những loài vật khác, chẳng hạn như mãng xà Kaa, thói "huyền thuyên, ngu ngốc, vô tích sự, mọi thứ đó là của loài khỉ". Bất chấp cái nhìn khinh miệt của các loài thú, bọn khỉ vẫn tự mãn, vừa "bất bọ chết" vừa "lên mặt ta đây là con người" rồi tự nhận: "Không có kẻ nào trong rừng lại khôn ngoan, tốt bụng và thông minh, khỏe mà lại dịu dàng như loài khỉ chúng ta".⁽⁶⁾ Điệp khúc chúng thường xướng lên là: "Bọn ta vĩ đại. Bọn ta tự do. Bọn ta tuyệt vời. Bọn ta là loài tuyệt vời nhất trong chốn rừng xanh".⁽⁶⁾

Trò khỉ trên, chiếu rọi trong mắt Mâugli khiến nó ghê tởm, tránh xa chúng... Bác cũng không thỏa hiệp với cái xấu. Xung đột giữa Bác và Xpit, con chó đầu đàn, vừa là xung đột để tranh giành quyền lực vừa là xung đột để tiêu diệt kẻ xấu. Xpit là con chó dày dạn, có nhiều mảnh khõe trong cai trị đàn và giao đấu. Xpit luôn ức hiếp kẻ yếu và ngấm ngấm dùng thủ đoạn để loại trừ Bác. Bác kiên nhẫn chờ đợi. Và rồi cơ hội đã đến, Bác và Xpit bước vào trận sống mái cuối cùng. Lũ chó Etkimô khép chặt vòng tròn đợi kẻ gục ngã. Bác biết nếu ngã xuống thì vĩnh viễn nó không còn có thể đứng dậy nữa. Tình thế trận đấu diễn tiến mỗi lúc một tồi tệ hơn cho Bác, nhưng vào giây phút quyết định, nó biết vận dụng "óc sáng tạo": "Nó chiến đấu bằng bản năng, nhưng nó còn có thể chiến đấu bằng trí nữa". Nó dùng mẹo cắn nát chân đối thủ, rồi khi nó lao vào "miếng đòn vai cuối cùng đã bắt trúng đích vai địch. Vòng tròn đen sẫm tụ lại thành một điểm trên mặt tuyết tràn ngập ánh trăng, và Xpit biến mất không nhìn thấy đâu nữa. Bác đứng thẳng và ngấm nhìn. Nhà vô địch đã thắng trận.⁽⁷⁾

Điểm khác nhau giữa Bác và Mâugli trong khả năng thu tóm quyền lực là Bác ý thức tranh đấu để giành vị trí số một trong đàn. Còn Mâugli với bản chất người bẩm sinh, thừa hưởng một trí tuệ vượt trội so với loài vật nên sau khi diệt được hổ ác, bảo vệ sói già Akêla và sở hữu lửa - bông hoa đỏ - theo cách gọi của báo Baghêra - Mâugli được bầu làm thủ lĩnh đàn sói. Tuy nhiên, việc Bác trở thành con sói đầu đàn đầy huyền thoại cũng là nhờ trí thông minh và lòng dũng

cảm. Trí thông minh đó Bác học được ở con người. Và một khi không đứng về phía con người thì khả năng hiểu biết ấy lại trở thành thứ vũ khí lợi hại để chống lại con người. Điều này đâu phải riêng Bác, Mâugli mà cả báo Baghêra cũng đã nếm trải và rút ra kết luận: "Vì ta học được cung cách của con người nên ta trở nên hung dữ ở trong rừng hơn con hổ Sia Khan". Bác trở thành Chó Thần đối với những người Yhet. "Họ kính sợ con Chó Thần này vì nó khôn ranh hơn họ, ăn trộm các thứ ở các lán trại của họ trong những mùa đông khắc nghiệt, đánh cắp những đồ dùng của họ, giết chết chó của họ, và coi thường cả những người thợ săn dũng cảm nhất của họ (...) Thợ săn có kẻ ra đi rồi không trở về trại nữa"⁽⁸⁾. Sự độc ác của con người là nguyên nhân sinh ra thảm cảnh đó. Có lẽ, giống Mâugli, Bác không muốn làm hại con người. Chúng chỉ khao khát tự do và công bằng. Điều này được thể hiện ngay ở các câu thơ đề từ của hai thiên truyện:

*Ôi khát vọng xưa đất trời rộng bước,
Giận thói thường xích chặt tựa lao tù
Đêm đông lạnh từ giấc nồng mộng ước
Lại bình sôi huyết thống của hoang vu⁽⁸⁾.*

Khát vọng vùi sâu trong tâm thức này của Bác cũng là khát vọng chung của loài sói trong Dạ ca nơi rừng sâu của các anh em của Mâugli:

*Nay Điều hâu Chiu mang bóng đêm về
Nên Dơi Mang được tự do
Còn gia súc bị nhốt trong chuồng
Vì ta là loài sói thả sức tung hoành đến
bình minh*

Đây là giờ phút mang lại tự hào và quyền lực

Giờ phút của nanh vuốt ra oai

Ai đó có nghe thấy tiếng hú!

Giờ săn mồi đã điểm

Để giữ gìn luật rừng⁽⁹⁾.

Nhưng anh em của Mâugli không vượt qua ngưỡng tự do tuyệt đối, bởi tự do tuyệt đối sẽ chỉ là bản năng của sinh vật hoang dã. Tự do của văn minh là tự do được đặt trong những giới hạn. Con người tự đặt ra những giới hạn đó để duy trì Văn minh của mình. Kipling ca ngợi những giới hạn của luật pháp. Ông không thể nghiệm sự đánh mất mình của Văn minh. London thì đi thể nghiệm khả năng tung phá giới hạn, để thấy tác hại của Văn minh khi tự đánh mất mình.

Điều kì diệu của hai thiên truyện được tập trung qua những phạm vi đạo đức mà chúng đề cập đến. Tuy hình thức thể hiện có khác nhau, một đằng trực tiếp giáo huấn bằng lời của người kể chuyện, lời của nhân vật, một đằng rất khách quan, để hình tượng tự lên tiếng, nhưng cả hai đều ca ngợi đạo đức và trí tuệ của con người qua thế giới loài vật. Mâugli con người-sói từng tồn tại giữa thế giới loài sói và thế giới con người. Ở đâu nó cũng thể hiện lòng can đảm, chịu khó học hỏi và tuân thủ các nguyên tắc sống do xã hội tạo nên, nhưng ở đâu nó cũng bị đố kỵ bởi loài sói xem nó là người, còn con người lại xem nó là sói, là ma quái... Cuối cùng con người không dung nó, khiến nó phải quay về rừng xanh. Sự xua đuổi của

đồng loại vĩnh viễn khiến Mâugli trở thành sói. Đây là nỗi khổ đau lớn nhất của người-sói. Trong Bài ca của Mâugli, khi trở thành thủ lĩnh của đàn sói, nó vẫn luôn khắc khoải về thân phận mình:

Ta nhảy trên tấm da con Sia Khan, nhưng lòng ta nặng trĩu. Miệng ta bị cắt vì những hòn đá của dân làng, nhưng lòng ta nhẹ nhõm vì ta đã trở lại rừng xanh. Sao vậy?

Trong con người ta có hai điều vật lộn như loài rắn đánh nhau vào mùa xuân. Nước tràn ra khỏi mắt ta. Vậy mà ta vẫn cười khi những giọt nước mắt rơi. Sao vậy?

... A ha! Lòng ta mang nặng những điều ta không hiểu?⁽¹⁰⁾ Và đây cũng là tâm trạng của Bác. Khi trở thành thủ lĩnh của mọi con chó, khi trong lòng nó ngập tràn những tình cảm giành cho Thoctơn, nó vẫn không cắt nghĩa được tại sao những giấc mơ về "lửa" và "con người lông lá" cứ xuất hiện ngày một dày hơn, ám ảnh mạnh hơn. "Và có một thứ luôn gắn chặt với cảnh mộng về con người lông lá ấy là tiếng gọi, cái tiếng gọi cứ vang lên trong rừng thẳm. Mỗi lần nghe tiếng gọi ấy là lòng Bác tràn ngập một nỗi xao xuyến bồi hồi và những ham muốn kì lạ. Nó mang đến cho Bác một niềm vui mơ hồ mà thú vị và Bác nhận thấy trong lòng mình sôi lên cuồng nhiệt bao nỗi khát khao mong muốn những điều mà Bác không rõ là điều gì".⁽¹¹⁾

Dần dần nỗi khao khát đó hiện rõ là khao khát cuộc sống bầy đàn nguyên thủy

mà bản chất của nó là tự do. Bắc, con chó văn minh, nửa muốn sống trong tình cảm tha thiết với người chủ tốt bụng Thocton, nửa muốn già từ mối giây ràng buộc ấy để đi vào cõi hoang sơ, nơi hàng ngàn năm nay tổ tiên loài chó nhà vẫn sống, vẫn hú vang rền trong những đêm trăng cô quạnh. Rõ ràng, Bắc là một chú chó bi kịch. Quay về nơi hoang dã hay ở lại đều là những giải pháp không trọn vẹn. Sự tự do, bản năng của Bắc được đặt trong giới hạn. Con người-sói Mâugli cũng chịu cùng cảnh ngộ. Đặt nhân vật trong thế chọn lựa và tạo ra tình huống ngẫu nhiên để đẩy nhân vật vào tình thế phải quyết định lập tức hướng đi của mình, Kipling và London gặp nhau ở điểm: định mệnh hóa số phận nhân vật. Như thế cả hai nhà văn đã chạm đến bản chất của tồn tại. Càng tồn tại, con người càng khao khát văn minh, nhưng càng văn minh con người càng ao ước được quay về với cuộc sống nguyên thủy. Bởi bản chất của văn minh là trật tự, là những luật tắc ràng buộc, trong khi đó, con người không chỉ sống với những thiết chế do mình tự đặt ra mà còn sống với bản năng loài. Bản năng đó luôn tiềm ẩn và sẵn sàng xóa sổ nền văn minh kia.

Đương nhiên, cả Kipling lẫn London không hề có ý định phủ nhận nền văn minh của con người. Thế giới loài vật của họ hàm ẩn sự mong manh của kiếp đời, khả năng thích ứng và khả năng tự mâu thuẫn của bất kì sinh thể nào... Điều đó càng nổi rõ hơn

khoảng cách giữa văn minh và hạnh phúc của muôn loài. Nhờ vậy, hạnh phúc nếu đạt được sẽ càng mang ý nghĩa hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Literary Notes: Jack London at His Best*, Argonaut 53 (August 3, 1903), p 72.
2. John Fraser, *Crane, Norris, and London*, in *American Literature*, Ed: Boris Ford, Penguin Books, New York, 1988.
3. E.L. Doctorow, *Jack London, Hemingway, and the Constitution*, Random House, New York, 1993, p 17.
4. Rudyard Kipling, *Chuyện rừng*, Mạnh Chương dịch, Nxb Đà Nẵng, 1987, tr 63.
5. *Tiếng gọi nơi hoang dã*, Nguyễn Công Ái và Vũ Tấn Phương dịch, in trong *Tuyển tập truyện ngắn Jack London*, Nhiều người dịch, Nxb Hội nhà văn, tr. 316.
6. Rudyard Kipling, *Chuyện rừng*, Mạnh Chương dịch, Nxb Đà Nẵng, 1987, tr. 49.
7. Rudyard Kipling, *Chuyện rừng*, Mạnh Chương dịch, Nxb Đà Nẵng, 1987, tr. 62.
8. Rudyard Kipling, *Chuyện rừng*, Mạnh Chương dịch, Nxb Đà Nẵng, 1987, tr. 64.
9. *Tiếng gọi nơi hoang dã*, Sdd, tr. 349.
10. *Tiếng gọi nơi hoang dã*, Sdd, tr. 440.
11. *Tiếng gọi nơi hoang dã*, Sdd, tr. 293.
12. *Chuyện rừng*, Sdd, tr. 10.
13. *Chuyện rừng*, Sdd, tr. 106.
14. *Tiếng gọi nơi hoang dã*, Sdd, tr. 418.